

MẪU TS2

....., Ngày 24 tháng 08 năm 2015

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH NGUYỄN VỌNG 1
NGÀNH: DƯỢC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT	Tổng điểm có UT	Người tạo HS	Ngày tạo HS
1	TND020131	VŨ MAI PHƯƠNG	05/08/1997	Nữ	091870021	2		TO	2.75	HO	5.25	SI	4.5	12.5	13	ts_CYI	05/08/2015
2	TND005984	NÔNG THI GIANG	20/06/1997	Nữ	091889431	1	01	TO	2.5	HO	3.5	SI	3.5	9.5	13	ts_CYI	06/08/2015
3	TND028928	PHẠM THI NGỌC UYÊN	09/10/1997	Nữ	091867975	1		TO	3	HO	5.5	SI	3.75	12.25	13.75	ts_CYI	06/08/2015
4	TND010119	PHẠM THI HUẾ	03/07/1997	Nữ	091866193	2		TO	6.75	LI	5.75	HO	6.5	19	19.5	ts_CYI	06/08/2015
5	TND026555	NGUYỄN THI TRANG	24/03/1997	Nữ	091864442	1		TO	6.75	LI	5.25	HO	8	20	21.5	ts_CYI	06/08/2015
6	TND013573	TRỊNH PHÚC LÂM	22/11/1997	Nam	091853280	1		TO	2.75	LI	4	HO	6.5	13.25	14.75	ts_CYI	06/08/2015
7	TND016820	NGUYỄN THI HÀ MY	14/08/1997	Nữ	091853301	2		TO	5	LI	3.5	HO	4.5	13	13.5	ts_CYI	07/08/2015
8	TND026361	NGÔ THI THU TRANG	03/10/1997	Nữ	085066242	1		TO	3.75	HO	3.75	SI	4.75	12.25	13.75	ts_CYI	07/08/2015
9	TND019045	TRẦN THI NHUNG	30/12/1997	Nữ	091758494	1		TO	6.25	LI	5.5	HO	5	16.75	18.25	ts_CYI	07/08/2015
10	TND022360	PHẠM THI HOÀNG THÁI	03/04/1997	Nữ	091866236	2		TO	2.5	HO	5.5	SI	4.5	12.5	13	ts_CYI	07/08/2015
11	TND006627	LÂM TRUNG HẢI	13/01/1996	Nam	091861103	1	01	TO	1.5	HO	2.75	SI	4.75	9	12.5	ts_CYI	07/08/2015
12	TND001287	HỨA THI NGỌC ÁNH	16/02/1997	Nữ	085500631	1	01	TO	3.5	HO	4.75	SI	5.5	13.75	17.25	ts_CYI	07/08/2015
13	SPH003796	PHẠM THI ĐÀO	10/10/1996	Nữ	135811734	1		TO	4.25	HO	3.5	SI	5.5	13.25	14.75	ts_CYI	07/08/2015
14	THV006983	LÃ VĂN LÀNH	03/06/1997	Nam	073496630	1		TO	5.5	HO	4.5	SI	4.5	14.5	16	ts_CYI	08/08/2015
15	TND025006	LÊ THI THÚY	11/09/1994	Nữ	174831512	1		TO	3.5	HO	3.5	SI	5	12	13.5	ts_CYI	13/08/2015
16	TND013195	NÔNG THANH LAM	20/06/1997	Nữ	085071950	1	01	TO	5.5	LI	6.5	HO	6	18	21.5	ts_CYI	13/08/2015
17	TND013828	ĐẶNG THI LIÊN	20/07/1997	Nữ	091900116	2		TO	4.5	HO	5.5	SI	4	14	14.5	ts_CYI	13/08/2015
18	TND013685	KHUƠNG THI MỸ LỆ	04/02/1997	Nữ	091835739	2		TO	3.5	HO	5	SI	6.5	15	15.5	ts_CYI	14/08/2015
19	TQU002188	CHÂU THI HUẾ	28/09/1996	Nữ	070976772	1	01	TO	6	LI	5.5	HO	4.5	16	19.5	ts_CYI	13/08/2015
20	THV009635	LÊ QUANG TRỌNG NGUYỄN	08/05/1997	Nam	061090098	1		TO	3	LI	4.25	HO	5	12.25	13.75	ts_CYI	17/08/2015
21	TND013072	LỤC THÚY KIỆU	21/05/1997	Nữ	085302078	1	01	TO	2.5	HO	3.25	SI	3.25	9	12.5	ts_CYI	17/08/2015
22	THV001897	BỂ THI BÍCH DẰNG	10/11/1996	Nữ	061038632	1	01	TO	1.25	HO	4.25	SI	4.5	10	13.5	ts_CYI	17/08/2015
23	LNH010646	ĐINH THI CẨM VÂN	17/12/1996	Nữ	113672001	1	01	TO	1.5	HO	2.75	SI	4.5	8.75	12.25	ts_CYI	17/08/2015

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV U'T	ĐT U'T	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có U'T	Tổng điểm có U'T	Người tạo HS	Ngày tạo HS
24	TND028752	HOÀNG THỊ TƯƠNG	10/01/1997	Nữ	095248909	1	01	TO	2.25	HO	4	SI	3	9.25	12.75	ts_CYI	17/08/2015
25	TQU000357	VŨ VĂN BIÊN	14/03/1997	Nam	073438214	1		TO	2.25	LI	4.5	HO	6	12.75	14.25	ts_CYI	17/08/2015
26	TQU001780	NGŨ THỊ HIỆP	14/01/1996	Nữ	073450823	1	01	TO	1.5	HO	3.75	SI	3.5	8.75	12.25	ts_CYI	17/08/2015
27	TND018447	PHẠM THỊ MINH NGUYỆT	29/11/1997	Nữ	095267782	1	01	TO	2.5	HO	3	SI	3.25	8.75	12.25	ts_CYI	18/08/2015
28	TND017622	PHÙNG THỊ NGÂN	16/07/1997	Nữ	082302913	1	01	TO	3.5	HO	5.5	SI	4.25	13.25	16.75	ts_CYI	17/08/2015
29	LNH007018	TRẦN THỊ NHUNG	18/06/1997	Nữ	113697939	1	01	TO	6.5	HO	5.75	SI	4	16.25	19.75	ts_CYI	17/08/2015
30	YTB022486	ĐỖ THỊ THU TRANG	19/05/1997	Nữ	152147931	2NT		TO	5.25	HO	4.5	SI	4.5	14.25	15.25	ts_CYI	17/08/2015
31	TND009150	NGUYỄN THỊ HOÀI	12/12/1997	Nữ	122275377	1		TO	6.75	HO	6.25	SI	4.5	17.5	19	ts_CYI	17/08/2015
32	HDT018928	NGUYỄN THỊ NHUNG	25/02/1997	Nữ	164608313	2NT		TO	5.5	LI	5.25	HO	5.5	16.25	17.25	ts_CYI	17/08/2015
33	TND018364	LÊ MINH NGUYỆT	20/10/1997	Nữ	095256407	1		TO	4	LI	4.75	HO	3.5	12.25	13.75	ts_CYI	18/08/2015
34	TND006898	HOÀNG HỒNG HẠNH	05/12/1997	Nữ	091754284	1	01	TO	1.25	HO	4.5	SI	3.25	9	12.5	ts_CYI	18/08/2015
35	THV011204	VŨ THỊ QUỲNH	17/02/1997	Nữ	063460595	1		TO	6.25	LI	6	HO	5.5	17.75	19.25	ts_CYI	18/08/2015
36	SPH004151	LÝ QUẢNG ĐỒNG	17/04/1997	Nam	135810797	1	01	TO	2.25	HO	4.5	SI	6	12.75	16.25	ts_CYI	18/08/2015
37	TND009106	HOÀNG THU HOÀI	30/11/1997	Nữ	085902149	1	01	TO	3.25	LI	4	HO	3.25	10.5	14	ts_CYI	19/08/2015
38	TQU003778	ĐÀO THIÊN NGÀ	03/06/1996	Nữ	073475715	1	01	TO	1.25	HO	3.5	SI	3.75	8.5	12	ts_CYI	19/08/2015
39	TND025380	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	28/08/1997	Nữ	091755417	1		TO	4.75	HO	5.25	SI	5.5	15.5	17	ts_CYI	19/08/2015
40	TND021300	NGUYỄN LINH SAN	18/01/1997	Nam	091723683	1		TO	3.5	HO	5.75	SI	5.5	14.75	16.25	ts_CYI	20/08/2015
41	TTB003548	NGUYỄN THUY LINH	02/12/1997	Nữ	040826438	1		TO	2.75	HO	4.5	SI	3.75	11	12.5	ts_CYI	20/08/2015
42	TND012336	QUÁCH THỊ HUỠNG	12/11/1997	Nữ	095247749	1	01	TO	3.75	HO	5.25	SI	4.75	13.75	17.25	ts_CYI	20/08/2015
43	SPK010873	VŨ THỊ DIỄM QUỲNH	10/06/1997	Nữ	142729649	2NT		TO	6	LI	4.25	HO	6.5	16.75	17.75	ts_CYI	22/08/2015
44	TND017869	ĐỖ ĐỨC NGỌC	03/05/1996	Nam	091867746	2		TO	5.5	LI	5.75	HO	6.75	18	18.5	ts_CYI	13/08/2015
45	TND021196	NGUYỄN THỊ QUỲNH	28/01/1997	Nữ	091863525	1	01	TO	2.75	HO	3.25	SI	2.75	8.75	12.25	ts_CYI	13/08/2015
46	TND001143	TRẦN VĂN ANH	17/11/1997	Nam	091749953	1	01	TO	2.5	HO	4.5	SI	3.75	10.75	14.25	ts_CYI	14/08/2015
47	SPH017126	DIỆP THANH TOÀN	26/03/1997	Nam	135495009	1	01	TO	4	HO	4.5	SI	4.5	13	16.5	ts_CYI	14/08/2015
48	TND029189	TRẦN THỊ THANH VÂN	28/09/1997	Nữ	122281444	1		TO	3.25	HO	5.5	N1	4	12.75	14.25	ts_CYI	17/08/2015
49	TTB002579	NGUYỄN MẠNH HỒNG	15/01/1997	Nam	050952545	1		TO	3.75	HO	6.25	SI	4.75	14.75	16.25	ts_CYI	17/08/2015
50	TND007910	NGUYỄN THỊ HIỀN	13/01/1997	Nữ	122208778	1		TO	4.75	HO	5.5	SI	4	14.25	15.75	ts_CYI	14/08/2015
51	TND013214	CAO THỊ LAN	20/07/1997	Nữ	091872320	1		TO	3.75	HO	3.25	SI	3.75	10.75	12.25	ts_CYI	14/08/2015
52	TND000380	HOÀNG THỊ MINH ANH	22/02/1997	Nữ	091866340	1	01	TO	4.5	HO	3.25	SI	3.75	11.5	15	ts_CYI	14/08/2015
53	TND016186	KHƯƠNG VIỆT MẠNH	06/12/1997	Nam	091720937	1		TO	2.25	LI	5.5	HO	3.5	11.25	12.75	ts_CYI	14/08/2015
54	THV015176	ĐẶNG THỪA VÂN	09/09/1997	Nam	063456551	1	01	TO	1.75	HO	4	SI	3.75	9.5	13	ts_CYI	14/08/2015
55	TND018006	NGUYỄN ÁNH NGỌC	25/07/1997	Nữ	091755540	1		TO	3.75	LI	6	HO	5.5	15.25	16.75	ts_CYI	14/08/2015
56	TND014474	NGUYỄN THỊ LINH	14/08/1996	Nữ	082309731	1	01	TO	1.5	HO	3.5	SI	4.25	9.25	12.75	ts_CYI	17/08/2015
57	TND008514	NÔNG MINH HIẾU	16/08/1997	Nam	095263675	1	01	TO	4.5	LI	4.25	HO	4	12.75	16.25	ts_CYI	17/08/2015
58	TND027277	ĐINH VĂN TRƯỜNG	06/09/1996	Nam	095223489	1	01	TO	1.25	HO	5.25	SI	4.25	10.75	14.25	ts_CYI	17/08/2015

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV U'T	ĐT U'T	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có U'T	Tổng điểm có U'T	Người tạo HS	Ngày tạo HS
59	TND007029	NÔNG THỊ HẠNH	10/01/1997	Nữ	085086533	1	01	TO	2	LI	4	HO	3.5	9.5	13	ts_CYI	17/08/2015
60	TND005116	CHU THỊ ĐIỂM	21/05/1996	Nữ	085044411	1	01	TO	2.75	LI	4.25	HO	3.75	10.75	14.25	ts_CYI	17/08/2015
61	TND006264	LƯƠNG THỊ THU HÀ	09/06/1997	Nữ	091720932	1	01	TO	1.5	HO	4.5	SI	5.75	11.75	15.25	ts_CYI	05/08/2015
62	TND021173	NGUYỄN THỊ QUỲNH	10/07/1997	Nữ	091718862	1		TO	1.5	HO	6	SI	3.5	11	12.5	ts_CYI	05/08/2015
63	TND025228	TRƯỜNG THỊ THU	07/03/1997	Nữ	091862712	1		TO	4.75	HO	6.5	SI	4.5	15.75	17.25	ts_CYI	05/08/2015
64	TND011244	NGUYỄN THỊ HUYỀN	29/07/1997	Nữ	122226465	1		TO	7.25	HO	6.5	SI	5.25	19	20.5	ts_CYI	05/08/2015
65	TND001881	NGUYỄN THỊ BÌNH	06/06/1997	Nữ	091863551	1		TO	3.25	HO	3.5	SI	4.5	11.25	12.75	ts_CYI	05/08/2015
66	TQU004471	HOÀNG VĂN QUẢNG	03/04/1997	Nam	073426587	1	01	TO	1.25	HO	3.75	SI	4.5	9.5	13	ts_CYI	17/08/2015
67	TDV035889	PHAN THỊ VÂN	20/02/1997	Nữ	187636278	1		TO	5.25	LI	5.75	HO	6	17	18.5	ts_CYI	17/08/2015
68	TND012211	NGUYỄN THỊ THÚY HƯỜNG	22/08/1997	Nữ	091888878	1	01	TO	4.5	HO	4.75	SI	2.75	12	15.5	ts_CYI	05/08/2015
69	TQU002831	TRỊNH THỊ KHUYÊN	03/07/1997	Nữ	071001845	1		TO	3	HO	4	SI	5.25	12.25	13.75	ts_CYI	05/08/2015
70	TND021754	NGUYỄN VĂN SƠN	16/04/1997	Nam	091861201	1		TO	3.5	HO	4.5	SI	5.25	13.25	14.75	ts_CYI	05/08/2015
71	TND006544	NGUYỄN NHẬT HẠ	31/12/1997	Nữ	091872753	2		TO	3.5	HO	6.5	SI	5.75	15.75	16.25	ts_CYI	17/08/2015
72	TND007398	NGUYỄN THỊ HẰNG	16/04/1997	Nữ	091913244	2NT		TO	6.5	LI	5.5	HO	6.75	18.75	19.75	ts_CYI	17/08/2015
73	TND025077	TRẦN THỊ THÚY	01/08/1997	Nữ	122264699	2NT		TO	6.5	HO	6	SI	5.5	18	19	ts_CYI	17/08/2015
74	TND000187	ĐỖ THỊ ANH	20/01/1997	Nữ	091723238	1		TO	6.75	LI	5.5	HO	6.5	18.75	20.25	ts_CYI	17/08/2015
75	TND016026	NGUYỄN THỊ THANH MAI	03/02/1995	Nữ	122167877	1		TO	7.25	HO	3.5	SI	6.25	17	18.5	ts_CYI	17/08/2015
76	TND018652	TRẦN TIỀN NHẬT	01/01/1996	Nam	122185281	1		TO	3.5	HO	4	SI	5.75	13.25	14.75	ts_CYI	17/08/2015
77	TND027307	LÊ VĂN TRƯỜNG	11/05/1997	Nam	091864204	1		TO	5.25	HO	4.75	SI	6.25	16.25	17.75	ts_CYI	05/08/2015
78	TND025592	NGUYỄN VĂN TIẾN	13/02/1997	Nam	091925229	2NT		TO	3.5	HO	3.75	SI	4.5	11.75	12.75	ts_CYI	05/08/2015
79	TND019213	CHU THỊ NỤ	10/12/1997	Nữ	091940326	1	01	TO	4	HO	3.75	SI	3.75	11.5	15	ts_CYI	05/08/2015
80	TQU001615	MA THỊ HẰNG	20/04/1996	Nữ	070999215	1	01	TO	2.75	LI	3.25	HO	3	9	12.5	ts_CYI	17/08/2015
81	TND011495	BÙI QUANG HÙNG	22/01/1997	Nam	091867478	1		TO	4	LI	4.75	HO	7.5	16.25	17.75	ts_CYI	17/08/2015
82	TND028838	HÀ THỊ UYÊN	16/10/1997	Nữ	095258396	1	01	TO	4.25	LI	5.75	HO	4	14	17.5	ts_CYI	17/08/2015
83	TDV035783	NGÔ THỊ VÂN	10/01/1997	Nữ	187647682	2NT		TO	2.75	LI	3.25	HO	6.75	12.75	13.75	ts_CYI	18/08/2015
84	TND013955	TRẦN THỊ LIÊU	08/09/1997	Nữ	122279255	1		TO	6	LI	5	HO	6.5	17.5	19	ts_CYI	18/08/2015
85	TND019739	DƯƠNG THỊ MINH PHƯƠNG	25/06/1996	Nữ	091857384	1		TO	4.5	HO	5	SI	6.25	15.75	17.25	ts_CYI	06/08/2015
86	TND005158	LƯƠNG THỊ ĐIỆP	26/04/1997	Nữ	091746947	1	01	TO	4.5	HO	4.5	SI	4.5	13.5	17	ts_CYI	06/08/2015
87	TND002074	NGUYỄN THỊ THU CHANG	20/07/1997	Nữ	091928534	1		TO	6.5	LI	5.25	HO	6.5	18.25	19.75	ts_CYI	18/08/2015
88	TQU000990	LÝ THỊ DUYỀN	22/04/1997	Nữ	071054654	1	01	TO	3.75	HO	3.5	SI	3.5	10.75	14.25	ts_CYI	18/08/2015
89	TND023273	PHẠM THỊ NGỌC THẢO	09/05/1996	Nữ	091715952	1		TO	3.25	HO	4.25	SI	4.5	12	13.5	ts_CYI	06/08/2015
90	TND012181	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	10/09/1997	Nữ	091734026	1		TO	4.5	HO	4.5	SI	3.5	12.5	14	ts_CYI	06/08/2015
91	TND028371	TRẦN THANH TÙNG	16/01/1993	Nam	122111034	1	01	TO	3.25	HO	7	SI	3.75	14	17.5	ts_CYI	06/08/2015
92	TND030156	TRẦN THỊ YẾN	25/02/1997	Nữ	091889404	1		TO	3.75	HO	4	SI	4.5	12.25	13.75	ts_CYI	06/08/2015
93	TND010072	LÊ THỊ HUẾ	14/04/1997	Nữ	091746943	1		TO	4.5	HO	4	SI	2.5	11	12.5	ts_CYI	06/08/2015

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV U'T	ĐT U'T	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có U'T	Tổng điểm có U'T	Người tạo HS	Ngày tạo HS
94	TND017625	TÀNG THỊ NGÂN	28/12/1997	Nữ	091746986	1	01	TO	2.75	HO	5.25	SI	4	12	15.5	ts_CYI	06/08/2015
95	TND009331	VŨ THỊ HOÀN	17/06/1997	Nữ	091869463	1		TO	3.5	LI	4.5	HO	4.25	12.25	13.75	ts_CYI	06/08/2015
96	TND004358	NGUYỄN THỊ DUYÊN	21/09/1997	Nữ	091733329	1		TO	6	HO	4.5	SI	4.25	14.75	16.25	ts_CYI	19/08/2015
97	TND011167	NGÔ THỊ HUYỀN	20/06/1997	Nữ	122208771	2NT		TO	4	HO	5.25	SI	6	15.25	16.25	ts_CYI	19/08/2015
98	TND023023	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO	14/07/1997	Nữ	091870796	2		TO	7.75	LI	5	HO	5.25	18	18.5	ts_CYI	19/08/2015
99	TND024082	HOÀNG MỸ THOA	13/10/1997	Nữ	085501478	1	01	TO	2.5	HO	3.5	SI	3.75	9.75	13.25	ts_CYI	19/08/2015
100	THV001634	PHẠM VĂN CÔNG	16/09/1997	Nam	061011331	1		TO	6.75	HO	5	SI	5.25	17	18.5	ts_CYI	19/08/2015
101	HHA015651	HOÀNG NGỌC TÙNG	06/01/1997	Nam	101291476	2		TO	1.75	LI	6.5	HO	4.25	12.5	13	ts_CYI	06/08/2015
102	TND006247	LÊ THỊ HÀ	28/09/1997	Nữ	091748482	1		TO	4.25	HO	3.5	SI	3.5	11.25	12.75	ts_CYI	06/08/2015
103	TND007957	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	23/08/1997	Nữ	091914013	2NT		TO	3.25	LI	4	HO	4.25	11.5	12.5	ts_CYI	06/08/2015
104	TND018628	ĐẶNG MỸ NHẬT	15/05/1997	Nữ	091740504	1		TO	3	LI	4.25	HO	4.5	11.75	13.25	ts_CYI	06/08/2015
105	TND025351	NGUYỄN ĐIỀU THƯƠNG	12/12/1997	Nữ	091876986	2	06	TO	4.75	LI	5	HO	6.5	16.25	17.75	ts_CYI	06/08/2015
106	TND026702	THẦN QUỲNH TRANG	05/10/1997	Nữ	091854610	2		TO	5.25	LI	5	HO	4.5	14.75	15.25	ts_CYI	06/08/2015
107	TND021692	NGUYỄN HOÀI SƠN	12/11/1997	Nam	091863698	1	01	TO	4.75	LI	5.25	HO	4	14	17.5	ts_CYI	06/08/2015
108	TND013400	TRIỆU THỊ LAN	13/11/1997	Nữ	095272664	1		TO	1.5	LI	7.25	HO	5.25	14	15.5	ts_CYI	06/08/2015
109	TND000392	HOÀNG THỊ VÂN ANH	12/09/1997	Nữ	095232683	1	01	TO	3.5	HO	3.5	SI	4.5	11.5	15	ts_CYI	19/08/2015
110	YTB016158	NGUYỄN THỊ NHÂM	27/09/1997	Nữ	152153289	2NT		TO	4.5	HO	3.75	SI	3.75	12	13	ts_CYI	19/08/2015
111	TND008051	VŨ THỊ THU HIỀN	17/02/1997	Nữ	091866139	2		TO	6.25	LI	6.5	HO	4.5	17.25	17.75	ts_CYI	06/08/2015
112	KQH000231	LỤC LAN ANH	05/01/1997	Nữ	163438636	2NT		TO	4.25	SI	4.75	N1	2.75	11.75	12.75	ts_CYI	07/08/2015
113	TND011946	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	23/11/1997	Nữ	091914561	1	01	TO	2.25	SI	4	N1	3	9.25	12.75	ts_CYI	07/08/2015
114	TND001168	TRƯƠNG THỊ MAI ANH	12/09/1997	Nữ	091864216	1	01	TO	4.75	HO	4.5	N1	3	12.25	15.75	ts_CYI	07/08/2015
115	TND001723	NGUYỄN THỊ BÍCH	24/04/1997	Nữ	091889402	1		TO	6.25	LI	6.5	HO	4.5	17.25	18.75	ts_CYI	07/08/2015
116	TND008642	LONG ĐỨC HÌNH	22/04/1997	Nam	095256421	1	01	TO	3.75	HO	3.5	SI	3.75	11	14.5	ts_CYI	19/08/2015
117	SPH007065	NGUYỄN THỊ THANH HỘI	20/12/1995	Nữ	135754242	2NT		TO	5.5	HO	4.5	SI	3.25	13.25	14.25	ts_CYI	20/08/2015
118	THV009742	LÊ THỊ NHÀN	12/07/1997	Nữ	061066556	1		TO	6	HO	5.75	SI	5.5	17.25	18.75	ts_CYI	20/08/2015
119	TND012641	TỔNG THỊ KHÁNH	05/07/1997	Nữ	122273338	1		TO	6.75	HO	6.75	SI	5.75	19.25	20.75	ts_CYI	20/08/2015
120	TDV024687	NGUYỄN HỒNG QUÂN	10/10/1997	Nam	187565333	1		TO	3	LI	4.75	HO	5.5	13.25	14.75	ts_CYI	20/08/2015
121	TND018987	NGUYỄN THỊ TRANG NHUNG	12/07/1997	Nữ	091776446	1		TO	5.75	LI	5.5	HO	7.5	18.75	20.25	ts_CYI	07/08/2015
122	TTB006796	NGUYỄN THỊ THU TRANG	04/10/1997	Nữ	050948977	1		TO	6.5	LI	5.75	HO	4.5	16.75	18.25	ts_CYI	07/08/2015
123	TND027867	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	15/10/1997	Nam	091930079	1		TO	2	LI	5.25	HO	5	12.25	13.75	ts_CYI	07/08/2015
124	TND012003	PHẠM THỊ LAN HƯƠNG	18/11/1997	Nữ	091885237	1		TO	1.25	LI	5.5	HO	5.25	12	13.5	ts_CYI	07/08/2015
125	THV009607	VŨ BÍCH NGỌC	16/12/1997	Nữ	061058279	1		TO	1.75	LI	6.25	HO	4.5	12.5	14	ts_CYI	07/08/2015
126	TND009014	PHẠM THỊ HÒA	21/12/1997	Nữ	091757293	1		TO	5.75	LI	4.75	HO	5.5	16	17.5	ts_CYI	07/08/2015
127	TDV009706	ĐẶNG THỊ HIỀN	27/10/1997	Nữ	184266336	2NT		TO	6.5	LI	6.5	HO	6	19	20	ts_CYI	07/08/2015
128	TND016275	NÔNG VĂN MẠNH	13/11/1996	Nam	095259210	1	01	TO	1.25	HO	3.5	SI	4.5	9.25	12.75	ts_CYI	07/08/2015

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV U'T	ĐT U'T	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có U'T	Tổng điểm có U'T	Người tạo HS	Ngày tạo HS
129	KQH009143	TRẦN BÌNH MINH	01/11/1996	Nam	013467814	2		TO	2.25	HO	4.5	SI	4.75	11.5	12	ts_CYI	20/08/2015
130	TQU003842	ĐỖ THỊ NGHĨA	06/07/1997	Nữ	071056574	1		TO	5	HO	4.5	SI	4.75	14.25	15.75	ts_CYI	20/08/2015
131	TND007250	ĐÀO THỊ HẰNG	21/12/1997	Nữ	091772997	2NT		TO	6.5	LI	5.5	HO	4.25	16.25	17.25	ts_CYI	20/08/2015
132	TND022847	ĐỖ THANH THẢO	29/10/1997	Nữ	091864079	1		TO	4.75	HO	4.75	SI	5.75	15.25	16.75	ts_CYI	22/08/2015
133	TND029798	NGUYỄN THỊ XUÂN	08/12/1997	Nữ	091731482	2NT		TO	2.25	HO	7.5	SI	5	14.75	15.75	ts_CYI	07/08/2015
134	TND023731	LÊ VĂN THỀM	07/12/1997	Nam	091864313	1	01	TO	4.5	HO	6.5	SI	4.5	15.5	19	ts_CYI	07/08/2015
135	TND006830	VƯƠNG NÔNG HẢI	24/09/1997	Nam	085065313	1	01	TO	2.75	LI	5	HO	3.25	11	14.5	ts_CYI	07/08/2015
136	THV011802	NGUYỄN VĂN THÁI	21/11/1997	Nam	061051032	1		TO	6	HO	4	SI	3.75	13.75	15.25	ts_CYI	07/08/2015
137	TND015638	HÀ THỊ KHÁNH LY	16/07/1997	Nữ	095235452	1	01	TO	4.75	LI	4	HO	5.5	14.25	17.75	ts_CYI	07/08/2015
138	TND002952	LÝ THỊ KIM CÚC	28/09/1997	Nữ	091864873	1	01	TO	2.25	HO	4.5	SI	5.5	12.25	15.75	ts_CYI	07/08/2015
139	TND025410	TRÌNH THỊ THUỜNG	29/12/1997	Nữ	091720250	1	01	TO	2.25	HO	3.5	SI	4.5	10.25	13.75	ts_CYI	07/08/2015
140	TND024395	NGUYỄN THỊ THU	03/10/1997	Nữ	091773062	1		TO	6.25	HO	4	SI	3.5	13.75	15.25	ts_CYI	07/08/2015
141	TND013237	ĐOÀN THU LAN	29/09/1997	Nữ	091870031	2		TO	6.75	HO	4.5	SI	4.75	16	16.5	ts_CYI	07/08/2015
142	TND007377	NGUYỄN THỊ HẰNG	05/10/1997	Nữ	091754499	1	01	TO	4	HO	3.5	SI	5	12.5	16	ts_CYI	07/08/2015
143	TND012200	NGUYỄN THỊ HUỜNG	27/09/1997	Nữ	091754669	1	01	TO	1.25	HO	4.5	SI	3.5	9.25	12.75	ts_CYI	07/08/2015
144	TND013315	NGUYỄN THỊ LAN	02/10/1997	Nữ	095235841	1		TO	4.25	HO	4.5	SI	5	13.75	15.25	ts_CYI	07/08/2015
145	TND030119	PHAN THỊ HỒNG YÊN	26/02/1996	Nữ	122185930	1		TO	3.75	HO	4.5	SI	4.5	12.75	14.25	ts_CYI	07/08/2015
146	TND009140	NGUYỄN THỊ HOÀI	03/06/1997	Nữ	091861630	1		TO	5	HO	4	SI	3.25	12.25	13.75	ts_CYI	07/08/2015
147	TND011826	LÝ THỊ HUỜNG	13/08/1995	Nữ	082243499	1	01	TO	2	HO	3.5	SI	3.25	8.75	12.25	ts_CYI	07/08/2015
148	TND017891	ĐÀO THỊ NGỌC	03/06/1996	Nữ	091857501	1		TO	1.75	HO	4.25	SI	4.5	10.5	12	ts_CYI	08/08/2015
149	TND023669	VŨ QUYẾT THẮNG	04/10/1997	Nam	091928762	1		TO	4.5	HO	6.5	SI	5	16	17.5	ts_CYI	13/08/2015
150	TND006565	BÙI THỊ BÍCH HẢI	26/08/1997	Nữ	091739939	1		TO	6.5	LI	5	HO	6.25	17.75	19.25	ts_CYI	13/08/2015
151	TND029585	NÔNG VĂN VŨ	11/02/1997	Nam	085303083	1	01	TO	2.5	HO	7.5	SI	4.25	14.25	17.75	ts_CYI	17/08/2015
152	THV013215	LƯƠNG THỊ ANH THU	19/02/1997	Nữ	061076887	1		TO	4.25	LI	4.25	HO	5.25	13.75	15.25	ts_CYI	17/08/2015
153	TND024346	LA THỊ THU	12/02/1996	Nữ	091712776	1	01	TO	1.25	HO	4.5	SI	4.5	10.25	13.75	ts_CYI	17/08/2015
154	TND024946	TRỊNH VĂN THỦY	28/01/1997	Nam	122222150	1	01	TO	1.5	HO	3.5	SI	3.5	8.5	12	ts_CYI	17/08/2015
155	THV010520	NGUYỄN THỊ THÚY PHƯƠNG	22/04/1997	Nữ	152182229	1		TO	5.25	LI	4.25	HO	5.5	15	16.5	ts_CYI	17/08/2015
156	THV010152	CHU NHÙ PA	17/07/1997	Nữ	045162942	1	01	TO	2.75	HO	7.5	SI	6.25	16.5	20	ts_CYI	13/08/2015
157	TND007540	VŨ THỊ HẰNG	08/06/1996	Nữ	091857565	1	01	TO	1.25	HO	3	SI	4.5	8.75	12.25	ts_CYI	13/08/2015
158	TND026552	NGUYỄN THỊ TRANG	21/01/1997	Nữ	122202012	1		TO	3.5	HO	3.75	SI	4.5	11.75	13.25	ts_CYI	13/08/2015
159	TND004143	HOÀNG MẠNH DUY	24/02/1997	Nam	091759276	1	01	TO	1.75	LI	5.5	HO	6	13.25	16.75	ts_CYI	13/08/2015
160	TND024970	ĐƯƠNG THỊ THÚY	03/10/1997	Nữ	091901073	2		TO	3.75	LI	4.5	HO	4.5	12.75	13.25	ts_CYI	13/08/2015
161	SPH019725	TRẦN THỊ XUÂN	09/02/1997	Nữ	135812133	1	01	TO	5.5	HO	3.75	SI	5	14.25	17.75	ts_CYI	13/08/2015
162	TND010496	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	03/07/1997	Nam	122244120	2NT		TO	3.5	HO	5.5	SI	4.75	13.75	14.75	ts_CYI	17/08/2015
163	THV006871	ĐƯƠNG THỊ NGỌC LAN	07/07/1996	Nữ	061003335	1	01	TO	3	HO	4	SI	4.25	11.25	14.75	ts_CYI	17/08/2015

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT	Tổng điểm có UT	Người tạo HS	Ngày tạo HS
164	TND001298	HOÀNG NGỌC ÁNH	26/05/1997	Nữ	085302599	1	01	TO	6.75	HO	4.5	SI	5	16.25	19.75	ts_CYI	17/08/2015

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)